

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày: 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,916,543,313,685</b>	<b>2,783,810,065,611</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>42,701,081,617</b>	<b>43,798,851,185</b>
1. Tiền	111		7,401,081,617	43,798,851,185
2. Các khoản tương đương tiền	112		35,300,000,000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>646,490,000,000</b>	<b>321,370,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	646,490,000,000	321,370,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>381,082,083,334</b>	<b>431,621,691,451</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	333,325,402,073	334,320,441,326
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	27,315,356,227	74,683,585,139
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	-	504,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	35,141,776,906	36,791,129,867
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(14,700,451,872)	(14,677,464,881)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1,779,610,449,264</b>	<b>1,900,267,458,623</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1,783,465,697,424	1,904,336,763,761
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.8	(3,855,248,160)	(4,069,310,138)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>66,659,699,470</b>	<b>86,752,064,352</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	11,362,399,484	8,863,679,179
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		55,297,299,986	77,888,385,173
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,969,865,499,792</b>	<b>2,050,269,593,712</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13,011,730,352</b>	<b>10,697,730,352</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	150,000,000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	12,861,730,352	10,697,730,352
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,046,146,504,946</b>	<b>1,019,112,911,015</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	553,401,717,110	590,793,439,988
- Nguyên giá	222		1,584,024,277,729	1,543,954,041,612
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,030,622,560,619)	(953,160,601,624)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	248,506,968,955	181,114,894,180
- Nguyên giá	225		279,980,613,422	190,695,705,337
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(31,473,644,467)	(9,580,811,157)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	244,237,818,881	247,204,576,847
- Nguyên giá	228		263,021,971,486	263,142,512,253
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(18,784,152,605)	(15,937,935,406)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>778,531,417,988</b>	<b>783,849,666,384</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	778,531,417,988	783,849,666,384
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>29,620,225,530</b>	<b>147,052,066,768</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	23,056,019,946	22,947,678,199
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20,304,000,000	143,904,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2c	(13,739,794,416)	(19,799,611,431)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>102,555,620,976</b>	<b>89,557,219,193</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	97,918,620,976	84,723,969,193
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	4,637,000,000	4,833,250,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>4,886,408,813,477</b>	<b>4,834,079,659,323</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,551,681,723,468</b>	<b>2,500,105,355,903</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,336,401,959,721</b>	<b>2,338,994,193,517</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	197,615,247,141	431,810,026,056
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	44,578,102,703	14,176,728,584
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	19,009,832,107	45,773,506,693
4. Phải trả người lao động	314	V.18	56,068,572,077	49,201,085,069
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	7,309,076,735	8,231,951,610
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		139,321,513	141,845,950
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	173,800,365,465	107,724,693,490
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1,837,513,462,675	1,681,501,376,760
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.22	367,979,305	432,979,305
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>215,279,763,747</b>	<b>161,111,162,386</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1,007,142,384	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	210,258,315,036	159,001,743,651
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	4,014,306,327	2,109,418,735
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2,334,727,090,009</b>	<b>2,333,974,303,420</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.24</b>	<b>2,334,727,090,009</b>	<b>2,333,974,303,420</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	1,275,396,250,000	1,275,396,250,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,275,396,250,000	1,275,396,250,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	21,489,209,100	21,489,209,100
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415	V.24	(27,587,629,848)	(27,587,629,848)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	1,065,429,260,757	1,064,676,474,168
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		937,548,599,168	1,064,676,474,168
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		127,880,661,589	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4,886,408,813,477</b>	<b>4,834,079,659,323</b>

Người lập biểu

Nguyễn Hà Thu Diễm

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Kim Thoa

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2022



Tổng Giám Đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


Trần Minh Cảnh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Quý IV Năm 2021**


Đơn vị tính : Đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,060,255,737,260	942,611,637,191	3,504,425,921,790	3,477,498,386,090
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2,356,234,815	7,502,820,090	10,499,600,516	38,834,026,406
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>1,057,899,502,445</b>	<b>935,108,817,101</b>	<b>3,493,926,321,274</b>	<b>3,438,664,359,684</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	854,049,642,369	768,818,127,536	2,940,612,855,979	2,953,993,101,824
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>203,849,860,076</b>	<b>166,290,689,565</b>	<b>553,313,465,295</b>	<b>484,671,257,860</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	14,446,836,484	9,399,630,904	41,027,271,027	42,934,983,445
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	39,200,472,429	27,402,665,089	115,915,393,712	80,030,865,651
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34,745,448,073	18,240,321,169	102,959,352,877	61,916,606,514
8 Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		286,875,516	(269,655,707)	108,341,747	(292,321,801)
9 Chi phí bán hàng	25	VI.6	86,036,531,960	55,696,129,460	280,956,940,056	185,263,413,739
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	24,602,525,173	18,509,106,134	56,474,052,865	56,561,834,630
<b>11 Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>68,744,042,514</b>	<b>73,812,764,079</b>	<b>141,102,691,436</b>	<b>205,457,805,484</b>
12 Thu nhập khác	31	VI.8	2,093,786,636	24,815,838,492	10,071,453,076	35,047,702,141
13 Chi phí khác	32	VI.9	77,544,686	273,757,058	302,379,476	873,665,396
<b>14 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2,016,241,950</b>	<b>24,542,081,434</b>	<b>9,769,073,600</b>	<b>34,174,036,745</b>
<b>15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>70,760,284,464</b>	<b>98,354,845,513</b>	<b>150,871,765,036</b>	<b>239,631,842,229</b>
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.17	13,118,060,178	18,571,601,783	20,889,965,855	39,060,382,565
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.14, V.23	4,133,760,393	(6,870,312,443)	2,101,137,592	(1,598,831,265)
<b>18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>53,508,463,893</b>	<b>86,653,556,173</b>	<b>127,880,661,589</b>	<b>202,170,290,929</b>
19 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		53,508,463,893	86,653,556,173	127,880,661,589	202,170,290,929
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	421	682	1,006	1,590
22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		421	682	1,006	1,590

Người lập biểu

  
Nguyễn Hà Thu Diễm

Kế toán trưởng

  
Huỳnh Thị Kim Thoa

An Giang ngày 19 tháng 01 năm 2022





**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV Năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

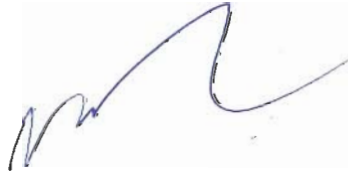
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3,555,589,486,484	3,546,624,282,062
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2,620,954,298,045)	(2,805,358,911,000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(429,022,960,387)	(486,719,975,086)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(99,730,798,222)	(63,853,729,268)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(35,599,495,499)	(122,763,543,492)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		136,772,874,303	106,633,459,067
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(162,658,987,694)	(187,434,827,705)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>344,395,820,940</b>	<b>(12,873,245,422)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(324,620,560,877)	(577,337,701,459)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		92,274,398,370	105,959,706,734
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,082,774,000,000)	(567,170,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		759,117,462,027	830,882,006,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(23,240,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		125,440,890,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23,357,518,453	37,557,093,243
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(407,204,292,027)</b>	<b>(193,348,895,482)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		4,742,709,517,703	3,814,590,492,963
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4,581,238,128,900)	(3,419,713,917,308)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(36,099,447,685)	(19,130,969,910)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(62,974,258,450)	(150,431,714,400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>62,397,682,668</b>	<b>225,313,891,345</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(410,788,419)</b>	<b>19,091,750,441</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>43,798,851,185</b>	<b>24,589,646,497</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(686,981,149)	117,454,247
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>42,701,081,617</b>	<b>43,798,851,185</b>

Người lập biểu



Nguyễn Hà Thu Diễm

Kế toán trưởng



Huỳnh Thị Kim Thoa

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2022



Trần Minh Cảnh

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản, sản xuất điện năng lượng mặt trời; Lắp đặt hệ thống điện.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 06 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân Bón Hữu Cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	100%	100%	100%	100%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

**5b. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tập đoàn chỉ đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Lô 4A, Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất collagen, genlatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50% (số đầu năm là 50%).

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 5. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## ***Chi phí sửa chữa***

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## ***Khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính***

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

## **9. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## **10. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 18

## **11. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị thuê tài chính là 04 - 16 năm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **12. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.

### **13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

873  
TY  
T. AN



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

### 20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **23. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **24. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	322.432.480	791.140.261
Tiền gửi ngân hàng	7.078.649.137	43.007.710.924
Các khoản tương đương tiền	35.300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>42.701.081.617</u></b>	<b><u>43.798.851.185</u></b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

Khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 603.190.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam, Ngân hàng United Overseas Bank và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội. (Xem thuyết minh V.21)

##### 2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	23.240.000.000	23.240.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(183.980.054)	(292.321.801)
<b>Cộng</b>	<b><u>23.056.019.946</u></b>	<b><u>22.947.678.199</u></b>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	22.947.678.199	-
Góp vốn	-	23.240.000.000
Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	(108.341.747)	(292.321.801)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>23.056.019.946</u></b>	<b><u>22.947.678.199</u></b>

*Tình hình hoạt động của công ty liên doanh*

Công ty TNHH Amicogen Nam Việt đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### Giao dịch với công ty liên doanh

Trong kỳ, Tập đoàn phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Amicogen Nam Việt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Góp vốn	-	23.240.000.000
Đi vay	-	46.300.000.000
Chi hộ	-	3.000.000
Doanh thu thi công công trình	2.123.375.678	-
Doanh thu cho thuê	46.900.000	-

### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB)	-	-	123.600.000.000	(7.416.000.000)
Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(13.739.794.416)	20.304.000.000	(12.383.611.431)
<b>Cộng</b>	<b>20.304.000.000</b>	<b>(13.739.794.416)</b>	<b>143.904.000.000</b>	<b>(19.799.611.431)</b>

### Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	19.799.611.431	11.169.517.236
Trích lập dự phòng bổ sung	1.356.182.985	8.630.094.195
Xóa sổ dự phòng do chuyển nhượng khoản đầu tư	(7.416.000.000)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>13.739.794.416</b>	<b>19.799.611.431</b>

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.059.267.971</b>	<b>4.377.777.307</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	-	4.205.100.030
Công ty TNHH Đại Tây Dương	1.059.267.971	172.677.277
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>332.266.134.102</b>	<b>329.942.664.019</b>
Các khách hàng nước ngoài	288.335.160.218	262.103.164.437
Các khách hàng trong nước	43.930.973.884	67.839.499.582
<b>Cộng</b>	<b>333.325.402.073</b>	<b>334.320.441.326</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<u>12.703.810.162</u>	<u>7.073.068.366</u>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	12.703.810.162	7.073.068.366
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<u>14.611.546.065</u>	<u>67.610.516.773</u>
Các nhà cung cấp nước ngoài	457.690.850	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Á Đông	-	55.000.000.000
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	1.664.053.500	-
Các nhà cung cấp trong nước khác	12.489.801.715	12.610.516.773
<b>Cộng</b>	<u><u>27.315.356.227</u></u>	<u><u>74.683.585.139</u></u>

#### 5. Phải thu về cho vay

##### 5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho Bà Nguyễn Thảo Trang mượn (*)	-	500.000.000
Cho các cá nhân khác vay, mượn	-	4.000.000
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>504.000.000</u>

(\*) Số dư nợ phải thu này đã được thu hồi trong kỳ.

##### 5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Cho các cá nhân vay dài hạn.

#### 6. Phải thu khác

##### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>300.000.000</u>	-	<u>85.679.490</u>	-
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt – ký quỹ	300.000.000	-	-	-
Công ty TNHH TMDV Navifeed	-	-	85.679.490	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>34.841.776.906</u>	<u>(494.205.315)</u>	<u>36.705.450.377</u>	<u>(244.996.212)</u>
Tạm ứng	11.649.392.823	(494.205.315)	10.815.230.124	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.367.162.638	-	6.445.798.853	-
Tiền lãi cho vay	710.137	-	244.996.212	(244.996.212)
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.780.000	-	30.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - Tiền bán cổ phiếu phải thu	-	-	10.704.400.890	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.791.731.308	-	8.465.024.298	-
<b>Cộng</b>	<u><u>35.141.776.906</u></u>	<u><u>(494.205.315)</u></u>	<u><u>36.791.129.867</u></u>	<u><u>(244.996.212)</u></u>

##### 6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<b>Phải thu tiền bán hàng</b>		<b>30.107.447.082</b>		<b>24.043.687.132</b>
<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	<i>22.329.400.000</i>	<i>15.630.580.000</i>	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	<i>3.911.452.188</i>
<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	<i>357.761.250</i>	<i>178.880.625</i>	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	<i>12.535.589.779</i>
<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	<i>305.799.667</i>	<i>91.739.900</i>	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	<i>3.684.690.141</i>
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	<i>7.114.486.165</i>	<i>-</i>	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	<i>3.911.955.024</i>
<b>Phải thu cho vay</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>500.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Phải thu khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>244.996.212</b>	<b>-</b>
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>244.996.212</i>	<i>-</i>
<b>Phải thu tạm ứng</b>	<b>988.410.630</b>	<b>494.205.315</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	<i>988.410.630</i>	<i>494.205.315</i>	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>31.095.857.712</b>	<b>16.395.405.840</b>	<b>24.788.683.344</b>	<b>10.111.218.463</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	14.677.464.881	11.810.039.349
Trích lập dự phòng bổ sung	22.986.991	4.439.296.361
Xóa nợ	-	(1.571.870.829)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.700.451.872</b>	<b>14.677.464.881</b>

### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	6.315.692.000	-	12.171.002.080	-
Nguyên liệu, vật liệu	186.803.389.087	-	208.399.436.335	-
Công cụ, dụng cụ	6.769.967.544	-	7.309.586.853	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.098.432.771.597	-	1.003.185.247.946	-
Thành phẩm	418.346.990.535	(3.855.248.160)	650.549.681.589	(4.069.310.138)
Hàng gửi đi bán	66.796.886.661	-	22.721.813.958	-
<b>Cộng</b>	<b>1.783.465.697.424</b>	<b>(3.855.248.160)</b>	<b>1.904.336.768.761</b>	<b>(4.069.310.138)</b>

Hàng tồn kho có trị giá 130.514.428.089 VND (số đầu năm là 143.646.253.679 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	4.069.310.138	3.913.276.826
Hoàn nhập dự phòng	(214.061.978)	156.033.312
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>3.855.248.160</u></b>	<b><u>4.069.310.138</u></b>

## 9. Chi phí trả trước

### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	1.248.733.333	2.844.566.669
Công cụ, dụng cụ	1.814.818.014	1.380.873.431
Chi phí sửa chữa	1.717.327.214	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.581.520.923	4.638.239.079
<b>Cộng</b>	<b><u>11.362.399.484</u></b>	<b><u>8.863.679.179</u></b>

### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	55.852.557.158	57.605.132.606
Công cụ, dụng cụ	2.224.324.107	319.648.252
Chi phí sửa chữa	5.504.168.818	4.525.599.164
Khoản lỗ của tài sản bán và thuê lại	20.315.633.346	5.562.317.335
Các chi phí trả trước dài hạn khác	14.021.937.547	16.711.271.836
<b>Cộng</b>	<b><u>97.918.620.976</u></b>	<b><u>84.723.969.193</u></b>

## 10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	354.878.546.666	994.257.322.806	93.169.189.468	12.622.599.073	89.026.383.599	1.543.954.041.612
Mua trong kỳ	210.000.000	41.098.290.534	6.121.167.091	399.795.454	-	47.829.253.079
Đầu tư XD CB hoàn thành	14.490.774.881	52.107.397.596	38.268.112.553	1.584.072.927	1.597.343.737	108.047.701.694
Thanh lý, nhượng bán	-	(122.656.610.606)	(6.182.890.238)	(127.635.114)	-	(128.967.135.958)
Tặng khác	-	-	-	-	13.285.417.302	13.285.417.302
Giảm khác	-	(125.000.000)	-	-	-	(125.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>369.579.321.547</u></b>	<b><u>964.681.400.330</u></b>	<b><u>131.375.578.874</u></b>	<b><u>14.478.832.340</u></b>	<b><u>103.909.144.638</u></b>	<b><u>1.584.024.277.729</u></b>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	241.193.752.772	460.176.007.461	42.033.299.480	7.632.997.975	429.214.646	751.465.272.334
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	281.562.793.317	572.378.203.256	63.268.457.615	9.585.055.286	26.366.092.150	953.160.601.624
Khấu hao trong kỳ	14.041.907.386	60.918.975.341	12.469.579.553	1.188.469.689	9.492.584.360	98.111.516.329
Thanh lý, nhượng bán	-	(14.569.401.926)	(5.952.520.294)	(127.635.114)	-	(20.649.557.334)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>295.604.700.703</b>	<b>618.727.776.671</b>	<b>69.785.516.874</b>	<b>10.645.889.861</b>	<b>35.858.676.510</b>	<b>1.030.622.560.619</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	73.315.753.349	421.879.119.550	29.900.731.853	3.037.543.787	62.660.291.449	590.793.439.988
Số cuối kỳ	73.974.620.844	345.953.623.659	61.590.062.000	3.832.942.479	68.050.468.128	553.401.717.110
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 182.644.333.722 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và Ngân hàng United Overseas Bank.

### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	190.695.705.337	9.580.811.157	181.114.894.180
Thuê tài chính trong kỳ	89.284.908.085	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	21.892.833.310	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>279.980.613.422</b>	<b>31.473.644.467</b>	<b>248.506.968.955</b>

### 12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	262.822.266.653	320.245.600	263.142.512.253
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.254.600)	(39.254.600)
Giảm do nhà nước thu hồi	(81.286.167)	-	(81.286.167)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>262.740.980.486</b>	<b>280.991.000</b>	<b>263.021.971.486</b>

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	643.380.000	280.991.000	924.371.000
---------------------------------------	-------------	-------------	-------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Chương trình phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	15.617.689.806	320.245.600	15.937.935.406
Khấu hao trong kỳ	2.885.471.799	-	2.885.471.799
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.254.600)	(39.254.600)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.503.161.605</b>	<b>280.991.000</b>	<b>18.784.152.605</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	247.204.576.847	-	247.204.576.847
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>244.237.818.881</b>	<b>-</b>	<b>244.237.818.881</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 103.664.809.048 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí phát sinh trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển giảm khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	47.981.118.271	14.467.378.526	(43.265.166.117)	(457.064.504)	18.726.266.176
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	719.762.738.784	135.665.968.680	(108.047.701.694)	(4.742.194.601)	742.638.811.169
Dự án khu nuôi trồng thủy sản Bình Phú	617.085.580.445	31.842.437.888	(70.115.310.177)	(2.447.190.295)	576.365.517.861
<i>Tiền mua đất (*)</i>	544.261.187.258	21.022.360.005	-	(109.620.000)	565.173.927.263
<i>Chi phí xây dựng các hạng mục công trình</i>	72.336.877.060	9.057.707.881	(68.517.966.440)	(2.337.570.295)	10.539.048.206
<i>Chi phí đào ao</i>	359.140.384	1.762.370.002	(1.468.967.994)	-	652.542.392
<i>Chi phí quản lý và chi phí khác</i>	128.375.743	-	(128.375.743)	-	-
Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất	66.345.593.554	88.859.643.602	-	-	155.205.237.156
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	2.399.273.067	459.445.739	(243.820.979)	(488.911.012)	2.125.986.815
Nhà máy chế biến thức ăn	1.578.354.816	179.008.215	(1.497.904.499)	-	259.458.532
Dự án điện năng lượng mặt trời	26.781.468.616	12.286.968.617	(31.930.857.598)	(1.385.768.271)	5.751.811.364
Các hạng mục khác	5.572.468.286	2.038.464.619	(4.259.808.441)	(420.325.023)	2.930.799.441
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	16.105.809.329	3.315.127.816	-	(2.254.596.502)	17.166.340.643
<b>Cộng</b>	<b>783.849.666.384</b>	<b>153.448.475.022</b>	<b>(151.312.867.811)</b>	<b>(7.453.855.607)</b>	<b>778.531.417.988</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (\*) Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú mua lại quyền sử dụng đất của các hộ dân. Một số thửa đất có giá trị là 182.814.490.000 VND (số đầu năm 182.814.490.000 VND) đã chuyển sang tên của các cá nhân được Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú ủy quyền, đồng thời dùng để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do giao dịch bán hàng tồn kho trong Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	4.833.250.000	1.125.000.000
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(196.250.000)	3.708.250.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>4.637.000.000</u></b>	<b><u>4.833.250.000</u></b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% đối với hoạt động chế biến thủy sản và 20% đối với hoạt động sản xuất thức ăn.

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b><i>1.879.935.804</i></b>	<b><i>680.913.614</i></b>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	1.879.935.804	673.913.614
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	-	7.000.000
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b><i>195.735.311.337</i></b>	<b><i>431.129.112.442</i></b>
Các nhà cung cấp nước ngoài	7.831.853.088	158.700.204.087
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	2.808.254.300	-
Các nhà cung cấp trong nước	185.095.203.949	272.428.908.355
<b>Cộng</b>	<b><u>197.615.247.141</u></b>	<b><u>431.810.026.056</u></b>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	<b>11.056.568.772</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	11.056.568.772	-
<b>Trả trước của người mua khác</b>	<b>33.521.533.931</b>	<b>14.176.728.584</b>
Các khách hàng nước ngoài	19.957.957.365	8.982.606.972
Các khách hàng trong nước	13.563.576.566	5.194.121.612
<b>Cộng</b>	<b><u>44.578.102.703</u></b>	<b><u>14.176.728.584</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.491.794.515	28.393.166.142	(28.970.335.010)	2.914.625.647
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	607.182.503	(607.182.503)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	115.132.661	(115.132.661)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.061.622.117	20.889.965.855	(46.949.495.499)	13.002.092.473
Thuế thu nhập cá nhân	3.143.402.141	6.989.851.348	(7.173.316.728)	2.959.936.761
Thuế tài nguyên	7.377.920	96.726.800	(91.444.160)	12.660.560
Tiền thuế đất	69.310.000	72.310.000	(21.103.334)	120.516.666
Các loại thuế khác	-	20.000.000	(20.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>45.773.506.693</b>	<b>57.184.335.309</b>	<b>(83.948.009.895)</b>	<b>19.009.832.107</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu	
+ Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân	Không chịu thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho tổ chức	Không kê khai, tính thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho cá nhân	5%
- Sản phẩm, dịch vụ khác	10%

#### Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	20.225.515.594	39.075.347.381
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	664.450.261	(14.964.816)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>20.889.965.855</b>	<b>39.060.382.565</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### *Thuế tài nguyên*

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 4.000 VND/m<sup>3</sup> x 8%.

### *Các loại thuế khác*

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

## 18. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả người lao động.

## 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả bên liên quan</i></b>	<b><i>216.986.301</i></b>	<b><i>192.860.712</i></b>
Ông Doãn Chí Thanh - Chi phí lãi vay	-	192.860.712
Bà Dương Thị Kim Hương – Chi phí lãi vay	216.986.301	-
<b><i>Phải trả các các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b><i>7.092.090.434</i></b>	<b><i>8.039.090.898</i></b>
Chi phí lãi vay	2.011.501.340	1.738.524.800
Chi phí cước tàu	1.855.592.000	670.600.000
Chi phí hoa hồng môi giới	2.912.629.094	5.342.266.098
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	312.368.000	287.700.000
<b>Cộng</b>	<b><u>7.309.076.735</u></b>	<b><u>8.231.951.610</u></b>

## 20. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b><i>156.786.578.947</i></b>	<b><i>95.898.069.735</i></b>
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	139.566.578.947	91.767.894.735
Ông Doãn Chí Thiên – Cổ tức phải trả	60.000.000	4.130.175.000
Ông Doãn Chí Thanh – Cổ tức phải trả	17.160.000.000	-
<b><i>Phải trả các các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b><i>17.013.786.518</i></b>	<b><i>11.826.623.755</i></b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn	7.313.753.259	4.858.510.079
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.417.530.000	2.804.430.000
Cổ tức phải trả	2.100.981.099	2.058.519.100
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.181.522.160	2.105.164.576
<b>Cộng</b>	<b><u>173.800.365.465</u></b>	<b><u>107.724.693.490</u></b>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 21. Vay và nợ thuê tài chính

#### 21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<b>510.110.473.400</b>	<b>338.327.223.400</b>
Vay Bà Dương Thị Kim Hương <sup>(a)</sup>	40.000.000.000	125.000.000.000
Vay Ông Doãn Tới <sup>(b)</sup>	470.110.473.400	95.577.223.400
Vay Ông Doãn Chí Thanh	-	55.000.000.000
Vay Ông Doãn Chí Thiên	-	17.000.000.000
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	-	45.750.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>1.327.402.989.275</b>	<b>1.343.174.153.360</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.239.577.442.880	1.286.587.943.387
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <sup>(c)</sup></i>	<i>276.182.378.478</i>	<i>639.439.740.658</i>
<i>Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội</i>	<i>-</i>	<i>63.900.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(d)</sup></i>	<i>125.110.555.090</i>	<i>219.046.300.880</i>
<i>Vay Ngân hàng United Overseas Bank <sup>(e)</sup></i>	<i>113.396.408.100</i>	<i>89.784.434.869</i>
<i>Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội</i>	<i>-</i>	<i>9.754.912.290</i>
<i>Vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam <sup>(f)</sup></i>	<i>23.925.378.400</i>	<i>-</i>
<i>Vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam <sup>(g)</sup></i>	<i>456.627.479.650</i>	<i>137.434.684.690</i>
<i>Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam <sup>(h)</sup></i>	<i>88.518.988.200</i>	<i>127.227.870.000</i>
<i>Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam <sup>(i)</sup></i>	<i>68.295.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông <sup>(j)</sup></i>	<i>78.624.432.250</i>	<i>-</i>
<i>Vay Ngân hàng TNHH CTBC <sup>(k)</sup></i>	<i>8.896.822.712</i>	<i>-</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	5.733.808.210	2.540.808.210
Vay ngắn hạn các cá nhân khác <sup>(l)</sup>	15.300.000.000	12.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	19.101.519.996	9.101.520.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	47.690.218.189	32.143.881.763
<b>Cộng</b>	<b>1.837.513.462.675</b>	<b>1.681.501.376.760</b>

- (a) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Bà Dương Thị Kim Hương để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 11 tháng.
- (b) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8), quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12), quyền sử dụng đất của Công ty MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú đang ủy quyền cho các cá nhân đứng tên (xem thuyết minh số V.13).
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 08 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12).
- (e) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (f) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (h) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Worri Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (j) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (k) Khoản vay Ngân hàng TNHH CTBC không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (l) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Đỗ Thanh Xuân để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 05 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.286.587.943.387	4.075.965.949.227	-	818.058.335	(4.135.478.983.668)	1.227.892.967.281
Vay ngắn hạn các tổ chức	48.290.808.210	16.774.475.599	-	-	(47.647.000.000)	17.418.283.809
Vay ngắn hạn các cá nhân	305.377.223.400	597.836.250.000	-	-	(377.803.000.000)	525.410.473.400
Vay dài hạn đến hạn trả	9.101.520.000	10.000.000.008	12.434.853.320	-	(12.434.853.332)	19.101.519.996
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	32.143.881.763	2.964.034.824	47.443.215.287	-	(34.860.913.685)	47.690.218.189
<b>Cộng</b>	<b>1.681.501.376.760</b>	<b>4.703.540.709.658</b>	<b>59.878.068.607</b>	<b>818.058.335</b>	<b>(4.608.224.750.685)</b>	<b>1.837.513.462.675</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả bên liên quan</i>	-	16.302.000.000
Vay Ông Doãn Chí Thanh	-	16.302.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<b>210.258.315.036</b>	<b>142.699.743.651</b>
Vay dài hạn cá nhân <sup>(i)</sup>	200.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	82.163.626.672	54.598.480.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Cần Thơ<sup>(ii)</sup></i>	45.496.960.000	54.598.480.000
<i>Vay Ngân hàng United Overseas Bank<sup>(iii)</sup></i>	36.666.666.672	-
Nợ thuê tài chính	127.894.688.364	88.101.263.651
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	43.347.500.530	39.279.301.136
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	71.982.600.908	23.729.089.235
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease để mua máy móc thiết bị</i>	4.085.421.363	11.988.708.313
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	8.479.165.563	13.104.164.967
<b>Cộng</b>	<b><u>210.258.315.036</u></b>	<b><u>159.001.743.651</u></b>

(i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông để bổ sung vốn lưu động (bù đắp chi phí đầu tư) với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị là các hệ thống điện mặt trời áp mái (xem thuyết minh số V.10).

(iii) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động (bù đắp chi phí đầu tư) với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị là các hệ thống điện mặt trời áp mái (xem thuyết minh số V.10).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	101.265.146.668	19.101.519.996	73.072.746.672	9.090.880.000
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	175.584.906.553	47.690.218.189	127.647.685.582	247.002.782
<b>Cộng</b>	<b><u>277.050.053.221</u></b>	<b><u>66.791.738.185</u></b>	<b><u>200.720.432.254</u></b>	<b><u>9.537.882.782</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	63.700.000.000	9.101.520.000	36.406.080.000	18.192.400.000
Vay dài hạn cá nhân	16.302.000.000	-	16.302.000.000	-
Nợ thuê tài chính	120.245.145.414	32.143.881.763	77.615.594.335	10.485.669.316
<b>Cộng</b>	<b>200.247.145.414</b>	<b>41.245.401.763</b>	<b>130.323.674.335</b>	<b>28.678.069.316</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	54.598.480.000	39.999.999.992	-	(12.434.853.320)	82.163.626.672
Vay dài hạn cá nhân	16.302.000.000	200.000.000	(16.302.000.000)	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	88.101.263.651	88.475.174.000	(1.238.534.000)	(47.443.215.287)	127.894.688.364
<b>Cộng</b>	<b>159.001.743.651</b>	<b>128.675.173.992</b>	<b>(17.540.534.000)</b>	<b>(59.878.068.607)</b>	<b>210.258.315.036</b>

### 21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

### 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	269.348.145	(65.000.000)	204.348.145
<b>Cộng</b>	<b>432.979.305</b>	<b>(65.000.000)</b>	<b>367.979.305</b>

### 23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến xử lý khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.109.418.735	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.904.887.592	2.109.418.735
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.014.306.327</b>	<b>2.109.418.735</b>

### 24. Vốn chủ sở hữu

#### 24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Doãn Tới	718.050.000.000	718.050.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	171.600.000.000	171.600.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	121.599.990.000	171.599.990.000
Các cổ đông khác	260.028.760.000	210.028.760.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.271.278.750.000</u></b>	<b><u>1.271.278.750.000</u></b>

### 24c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	127.539.625	127.539.625
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	127.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu phổ thông	127.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	127.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu phổ thông	127.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 24d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 59/NQ.ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 với số tiền 127.127.875.000 VND.

## 25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### 25a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	99.615,50	350.353,50
Euro (EUR)	3.860,55	3.905,31
Dollar Úc (AUD)	5.601,44	61,13

### 25b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	9.429.672,13	182.042.547.939	9.429.672,13	182.042.547.939
Khách hàng trong nước		20.834.599.657		20.834.599.657
<b>Cộng</b>		<b><u>202.877.147.596</u></b>		<b><u>202.877.147.596</u></b>

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	1.031.324.535.479	896.927.175.414
Doanh thu bán nguyên liệu	-	-
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	22.829.824.110	6.812.345.556
Doanh thu khác	6.101.377.671	38.872.116.221
<b>Cộng</b>	<b><u>1.060.255.737.260</u></b>	<b><u>942.611.637.191</u></b>

##### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Navifeed</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	56.517.946.480	240.401.601.280
Doanh thu khác	739.377.500	10.155.500
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Doanh thu bán điện	5.478.478.406	-
Doanh thu khác	27.007.140	-
Doanh thu bán nguyên liệu	-	900.891.829

#### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	996.630.400	118.696.834
Giảm giá hàng bán	1.359.604.415	7.384.123.256
<b>Cộng</b>	<b><u>2.356.234.815</u></b>	<b><u>7.502.820.090</u></b>

#### 3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	846.532.032.887	735.966.254.814
Giá vốn của nguyên liệu đã bán	-	-
Giá vốn điện mặt trời	6.654.547.770	1.491.765.710
Giá vốn khác	2.490.229.146	31.204.073.700
Giá vốn công trình xây lắp	-	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.627.167.434)	156.033.312
<b>Cộng</b>	<b><u>854.049.642.369</u></b>	<b><u>768.818.127.536</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	7.835.990.485	6.719.331.248
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.389.465	12.791.992
Lãi tiền cho vay	710.137	160.438
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.463.529.709	586.203.204
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.135.303.652
Lãi bán hàng trả chậm	27.057.657	933.510.370
Doanh thu hoạt động tài chính khác	111.159.031	12.330.000
<b>Cộng</b>	<b><u>14.446.836.484</u></b>	<b><u>9.399.630.904</u></b>

### 5. Chi phí tài chính

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Chi phí lãi vay	34.745.448.073	18.240.321.169
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.933.661.360	704.237.788
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.962.723.715	30.540.092
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	695.599.110
Dự phòng dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	29.426.965	7.670.783.748
Chi phí tài chính khác	529.212.316	61.183.182
<b>Cộng</b>	<b><u>39.200.472.429</u></b>	<b><u>27.402.665.089</u></b>

### 6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.923.152.208	1.856.110.796
Chi phí vật liệu, bao bì	73.430.629	17.281.938
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	32.767.044	177.140.731
Chi phí hoa hồng	12.632.943.426	14.783.866.284
Chi phí vận chuyển	61.043.741.551	28.119.044.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.080.418.498	9.773.322.540
Các chi phí khác	250.078.604	969.362.631
<b>Cộng</b>	<b><u>86.036.531.960</u></b>	<b><u>55.696.129.460</u></b>

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.172.097.691	7.794.800.927
Chi phí vật liệu quản lý	1.498.253.762	364.751.653
Chi phí đồ dùng văn phòng	595.613.599	193.200.610
Chi phí khấu hao tài sản cố định	415.103.939	443.507.618
Thuế, phí và lệ phí	1.084.853.593	1.428.268.066
Dự phòng phải thu khó đòi	8.320.093.857	4.439.296.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.669.992.141	842.703.678
Các chi phí khác	2.846.516.591	3.002.577.221
<b>Cộng</b>	<b><u>24.602.525.173</u></b>	<b><u>18.509.106.134</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 8. Thu nhập khác

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	155.045.454
Xử lý công nợ tồn lâu	507.752.631	-
Thu bồi thường	1.416.296.650	1.321.597.760
Thu nhập khác	169.737.355	339.195.278
Thu từ ngân sách nhà nước tiền hỗ trợ dự án đầu tư	-	23.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.093.786.636</u></b>	<b><u>24.815.838.492</u></b>

### 9. Chi phí khác

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	37.823.826	-
Tiền nộp phạt vi phạm hành chính	-	330.000
Chi phí khác	39.720.860	273.427.058
<b>Cộng</b>	<b><u>77.544.686</u></b>	<b><u>273.757.058</u></b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

#### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	127.880.661.589	202.170.290.929
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	127.880.661.589	202.170.290.929
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	127.127.875	127.127.875
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.006</u></b>	<b><u>1.590</u></b>

#### 10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Ông Doãn Tới</b>		
Tập đoàn đi vay	517.336.250.000	70.813.000.000
Lãi vay	24.113.253.052	-
Tập đoàn chia cổ tức	71.805.000.000	139.110.000.000
Doanh thu bán vật tư	42.746.921	4.547.305.434
<b>Bà Dương Thị Kim Hương</b>		
Lãi vay	7.379.206.917	-
Tập đoàn đi vay	-	125.000.000.000
<b>Ông Doãn Chí Thanh</b>		
Lãi vay	1.509.861.308	192.860.712
Tập đoàn đi vay	17.160.000.000	71.302.000.000
Tạm ứng	500.000.000	-
Tập đoàn chia cổ tức	-	34.320.000.000
<b>Ông Doãn Chí Thiên</b>		
Tập đoàn đi vay	40.500.000.000	17.000.000.000
Lãi vay	1.165.674.982	-
Tập đoàn chia cổ tức	12.159.999.000	34.319.998.000
<b>Các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Tạm ứng	510.000.000	329.700.000

### *Cam kết bảo lãnh*

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh số V.21).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.19, V.20 và V.21.

### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	Công ty do con của Tổng Giám Đốc thành lập



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Mua sản phẩm, vật tư	-	98.724.654
Thuê kho, tiền điện	18.356.669.496	14.336.115.627
Phí sử dụng hạ tầng	484.814.022	491.886.150
Mua tài sản	-	760.000.000
<b>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed</b>		
Lãi bán hàng trả chậm	302.392.970	2.300.498.251
Mua dịch vụ khác	57.272.725	222.449.997
Thu hộ tiền điện	1.303.434	5.575.217

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

### Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.15, và V.16.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.


### 2a. Thông tin về khu vực địa lý


Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<b>Quý IV năm nay</b>	<b>Quý IV năm trước</b>
Xuất khẩu	657.889.123.770	634.342.547.655
Trong nước	400.010.378.675	300.766.269.446
<b>Cộng</b>	<b>1.057.899.502.445</b>	<b>935.108.817.101</b>

### 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến thủy sản với tỷ trọng doanh thu chiếm hơn 97%.

  
**Nguyễn Hà Thu Diễm**  
Người lập biểu

  
**Huỳnh Thị Kim Thoa**  
Kế toán trưởng

  
**Trần Minh Cảnh**  
Phó Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	1,275,396,250,000	21,489,209,100	-	(27,587,629,848)	1,116,761,933,239	-	2,386,059,762,491
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	202,170,290,929	-	202,170,290,929
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(254,255,750,000)	-	(254,255,750,000)
Số dư cuối kỳ này năm trước	1,275,396,250,000	21,489,209,100	-	(27,587,629,848)	1,064,676,474,168	-	2,333,974,303,420
Số dư đầu năm nay	1,275,396,250,000	21,489,209,100	-	(27,587,629,848)	1,064,676,474,168	-	2,333,974,303,420
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	127,880,661,589	-	127,880,661,589
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(127,127,875,000)	-	(127,127,875,000)
Số dư cuối kỳ này năm nay	1,275,396,250,000	21,489,209,100	-	(27,587,629,848)	1,065,429,260,757	-	2,334,727,090,009

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Hà Thu Diễm  
Người lập biên

Huỳnh Thị Kim Thoa  
Kế toán trưởng



Phó Tổng Giám đốc

Số : 200 /CV-KTTC

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận  
hợp nhất quý IV/2021 so với cùng kỳ năm trước"

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2022

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất như sau:

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý IV/2021 lãi 53,5 tỷ đồng, giảm 33,1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất quý IV/2021 tăng 122 tỷ so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến lợi nhuận gộp hợp nhất quý IV/2021 tăng 37,5 tỷ đồng tương đương 22,6% so với cùng kỳ năm trước.
- Tuy nhiên:
  - + Chi phí tài chính tăng 11,7 tỷ (43%) so với cùng kỳ năm trước.
  - + Chi phí bán hàng tăng 30 tỷ (54%) so với cùng kỳ năm trước (chủ yếu là chi phí cước tàu, chi phí vận chuyển tăng nhiều).

Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Ban TGD
- Lưu VT

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY**  
**CP**  
**NAM VIỆT**  
M.S.D.N: 1600108736 - C.T.C.P  
TP. LONG XUYẾN - T. AN GIANG  
*Lưu Minh Cảnh*